

Bản án số: 258/2021/HS-PT

Ngày 19 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân.

2. Ông Vũ Văn Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 267/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị S do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại Bùi Thị G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án Nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị S, sinh năm 1954 tại HG; nơi ĐKTT: Ấp Phú Xuân, thị trấn M, huyện T, tỉnh G; nơi ở: 24 Chiêu Anh Các, Phường A, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C; có chồng và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; tại ngoại có mặt.

Bị hại có kháng cáo:

Bà Bùi Thị G, sinh năm 1964; nơi cư trú: 57C Huỳnh Mẫn Đạt, Phường A, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Ngọc T, Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Trung H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị S và bà Bùi Thị G là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng đầu tháng 4 năm 2020 bà S cho bà G vay số tiền 10.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thì mỗi ngày bà G phải trả cho bà S 100.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, sau đó bà G không trả lãi mà hẹn bà S đến nhà lấy tiền. Bà S đã nhiều lần đến nhà gặp bà G để lấy tiền nhưng bà G nói không có tiền nên bà S đi về.

Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 4 năm 2020, bà G đang ở nhà số 57C đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường A, Quận N thì bà S đến để đòi nợ bà G. Do bà G không có tiền để trả nên bà S và bà G cãi vã và xô xát. Sau đó, bà S bước lùi từ phía trong nhà ra phía trước cửa nhà, hai tay bà S giữ tay phải của bà G và kéo ra phía trước nhà. Bà S xoay người sang trái, đồng thời dùng hai tay giữ tay phải của bà G và kéo bà G về phía trước, chân phải bà S chặn giữa hai chân bà G và làm cho bà G té ngã ra phía trước đường trước cửa nhà. Khi ngã bà G ở tư thế nằm nghiêng quay sang bên phải, phần hông phải, vai phải và đầu bị ngã đập xuống mặt đường. Còn bà S theo quán tính xoay người khi giật tay bà G nên cũng bị ngã đè lên người bà G, tay phải của bà S chống xuống đường. Bà G dùng tay đẩy bà S ra khỏi người mình và xoay người nằm nghiêng về bên phải. Lúc này, có anh Đặng Chí C đang ở nhà đối diện với nhà bà G nhìn thấy 02 người phụ nữ kéo nhau té ngã trước nhà 57C Huỳnh Mẫn Đạt, Phường A, Quận N nên chạy ra đỡ bà G đứng dậy, còn bà S tự đứng dậy rồi bỏ đi về.

Sau đó, bà G đã đến Công an Phường A, Quận N để trình báo vụ việc, bà S được mời đến để làm rõ. Đến ngày 18 tháng 4 năm 2020 bà G nhập viện và khám tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình. Kết quả bà G bị gãy cổ xương đùi phải nên thay khớp nhân tạo. Gia đình bà G đã liên hệ với bà S để được bồi thường viện phí theo thỏa thuận nhưng bà S không đồng ý bồi thường.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, bà Bùi Thị G làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bà Nguyễn Thị S và đề nghị giám định thương tật. Bà S không thừa nhận hành vi gây thương tích cho bà G mà trình bày sau khi tranh cãi, bà G dùng hai tay đẩy bà S ra ngoài. Lúc này, bà S trượt chân, chới với nên hay tay nắm lấy hai tay của bà G làm cả hai ngã xuống đường trước nhà bà G. Cơ quan điều tra đã cho bà S và bà G đối chất, kết quả cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 482/TgT.20 ngày 16/6/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bùi Thị G chấn thương đầu đã được điều trị, hiện không còn dấu vết thương tích, tình trạng ổn định, không đủ cơ sở xác định hung khí. Chấn

thương vùng háng phải gây gãy kín cổ xương đùi phải đã được điều trị phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo, hiện còn: Hình ảnh khớp háng nhân tạo trên phim Xquang, một sẹo mổ tại mặt sau ngoài 1/3 trên đùi kích thước 13,5x(0,1-0,2) cm. Chấn thương trên do vật tày tác động gây ra hoặc phần cơ thể tác động vào vật tày gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 25% (hai mươi lăm phần trăm). Việc đương sự té ngã như hình ảnh camera quí cơ quan cung cấp gây ra được thương tích trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định bổ sung) số 482.B/TgT.20 ngày 15/7/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 482/TgT.20 ngày 16/6/2020, hình ảnh camera ghi nhận vụ việc xảy ra ngày 16/4/2020, buổi thực nghiệm sáng ngày 08/7/2020. Trung tâm pháp y nhận định: Lời khai của đương sự Bùi Thị G là phù hợp gây ra được thương tích như đã giám định đối với đương sự G. Đối với lời khai của đương sự Nguyễn Thị S thì không phù hợp vì: Đương sự S đứng vững một chân ở trên thềm nhà, một chân ở bậc tam cấp; hai tay kéo, vật mạnh làm đương sự G văng từ trong ra ngã ập xuống đường, do còn nắm tay đương sự G nên đương sự S mới bị kéo ngồi xuống gần đương sự G đang ngã nằm dưới đường.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) đĩa CD ghi nhận vụ việc bà Nguyễn Thị S kéo ngã bà Bùi Thị G tại trước nhà số 57C Huỳnh Mẫn Đạt, Phường A, Quận N vào ngày 16/4/2020 (Hiện đang lưu theo hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và trước khi mở phiên tòa, bị hại Bùi Thị G yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị S bồi thường tổng số tiền là 398.547.200 đồng (ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng), gồm: Chi phí điều trị: 92.947.200 đồng (chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng), tiền mất thu nhập thực tế từ ngày 16/4/2020 đến ngày 01/4/2021 là 139.600.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), chi phí người chăm sóc từ ngày 16/4/2020 đến ngày 01/4/2021 là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng), tiền tổn thất về tinh thần 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 06/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị S về tội: “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án Nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 50; Khoản 1, Khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Sâu 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân Phường A, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị S bồi thường cho bà Bùi Thị G số tiền 139.900.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo S đã nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số AA/2011/04907 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Bùi Thị G có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 12/5/2021, bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giảm nhẹ hình phạt và giảm số tiền bồi thường do cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử nặng và tiền bồi thường cao.

- Ngày 06/5/2021, bị hại Bùi Thị G kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc tăng nặng hình phạt và tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo S khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo.

Bị hại bà Bùi Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là thỏa đáng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và tuyên mức bồi thường là có căn cứ chỉ có phần bồi thường số tiền 10.000.000 đồng tiền ăn, uống là chưa phù hợp nên đề nghị không chấp nhận phần này. Do đó, kháng cáo của bị cáo, của bị hại về hình phạt là không có cơ sở, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về bồi thường thiệt hại, sửa án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất về tội danh mà án sơ thẩm đã tuyên. Về hình phạt là nặng nên đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo; về bồi thường thiệt hại xin giảm số tiền 28.450.000 đồng đối với tổng số tiền mà án sơ thẩm đã buộc.

Kiểm sát viên, luật sư bảo lưu quan điểm.

Bị cáo, bị hại không tranh luận; bị cáo nói lời nói sau cùng xin được giảm hình phạt và giảm tiền bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trước nhà số 57C đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường A, Quận N. Do có quan hệ vay tiền giữa bị cáo Nguyễn Thị S và bà Bùi Thị G. Nên bị cáo S đến đòi tiền bà G, bà G không có tiền trả cho bị cáo nên hai bên đã cãi vã, xô xát nhau. Sau đó, bị cáo Nguyễn Thị S đã có hành vi dùng hai tay giữ lấy tay phải của bà Bùi Thị G và kéo bà G ra phía trước nhà làm bà G té ngã ra phía trước đường dẫn đến chấn thương với tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 25% (hai mươi lăm phần trăm). Toàn bộ sự việc được ghi hình lại tại đĩa CD (hiện lưu trong hồ sơ vụ án) và đã được giám định pháp y kết luận phù hợp với diễn biến của vụ án.

[2] Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị S về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm) là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã gửi lời xin lỗi đến bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại và khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo phạm tội là người cao tuổi (65 tuổi). được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt 09 (chín) tháng tù

nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là thỏa đáng, có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357, khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị S bồi thường cho bà Bùi Thị G số tiền 139.900.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo Sậu đã nộp 20.000.000 đồng.

Trên cơ sở xét chấp nhận:

Số tiền chi phí điều trị là 93.000.000 đồng có kèm theo các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc điều trị bệnh;

Số tiền mất thu nhập thực tế là 02 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng là $2 \times 5.000.000$ đồng = 10.000.000 đồng, do bị hại chỉ nằm viện có 9 ngày và sau đó nghỉ dưỡng bệnh một thời gian nhất định, bên cạnh đó bị hại không cung cấp được mức thu nhập thực tế là bao nhiêu;

Số tiền chi phí người chăm sóc bị hại là 02 tháng $\times$ 6.000.000 đồng = 12.000.000 đồng;

Số tiền tổn thất về tinh thần là 10 tháng lương cơ sở: $10 \times 1.490.000$ đồng = 14.900.000 đồng;

Số tiền chi phí khác như tiền ăn, uống của bị hại trong thời gian điều trị thương tật là 10.000.000 đồng

Là có căn cứ và phù hợp với thiệt hại thực tế của bị hại, còn số tiền bồi thường còn lại mà bị hại yêu cầu là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét bị cáo, bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không có tình tiết mới và cũng không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của họ ngoài các tài liệu chứng cứ đã được xét tại Tòa án cấp sơ thẩm. Và cùng với lập luận tại đoạn [2] và [3] Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, bị hại, luận cứ bào chữa của luật sư và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Xét về án phí: Bị cáo S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; bị hại G là người yêu cầu bồi thường về sức khỏe, có đơn đề nghị miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo qui định tại điểm d điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 134, điểm b điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm d điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị S, bị hại bà Bùi Thị G và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân Phường A, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị S bồi thường cho bà Bùi Thị G số tiền 139.900.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Sậu đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số AA/2011/04907 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Thị S, bị hại Bùi Thị G được miễn nộp tiền án phí.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo rõ)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận N; (1)
- P.PV 06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Chi cục THA Quận N; (1)
- TAND Quận N; (2)
- Công an Quận N; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Bị hại, Luật sư; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (10)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Nam